

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671016 - Vật lý đại cương 1
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Minh	Thuận	3471010323	31/03/1992	9,00	5,00	6,20	
2	Lưu Đức	Toàn	3671040005	22/11/1994	6,00	4,00	4,60	
3	Vũ Nhật	Hoàng	3671040011	06/04/1994	7,00	4,30	5,10	
4	Hân Tấn	Sinh	3671040012	08/10/1991	6,00	4,80	5,20	
5	Lương Đình	Huy	3671040027	13/07/1994	8,00	6,30	6,80	
6	Nguyễn Ngọc Hải	My	3671040028	03/07/1994	7,00	3,50	4,60	
7	Nguyễn Ngọc	Nam	3671040029	02/07/1994	8,00	2,00	3,80	
8	Lê Văn	Lưu	3671040033	05/07/1994	7,00	3,30	4,40	
9	Trương Nguyễn Đức	Vinh	3671040041	12/07/1993	6,00	1,50	2,90	
10	Nguyễn Quang	Đức	3671040055	03/12/1994	7,00	6,30	6,50	
11	Trần Văn	Kiên	3671040079	15/07/1994	5,00	,00	1,50	
12	Nguyễn Anh	Khang	3671040086	16/11/1994	8,00	3,00	4,50	
13	Trương Hoàn	Lâm	3671040087	02/09/1994	8,00	3,50	4,90	
14	Phan Văn	Thắng	3671040103	17/09/1994	6,00	,00	1,80	
15	Trần Văn	Dân	3671040118	22/07/1994	6,00	3,80	4,50	
16	Nguyễn Hồng	Dưỡng	3671040124	18/11/1994	8,00	4,30	5,40	
17	Mai Thế	Huy	3671040126	25/09/1993	7,00	5,50	6,00	
18	Trần Quang	Trung	3671040147	01/06/1993	6,00	2,80	3,80	
19	Lê Thanh	Tú	3671040162	10/04/1993	7,00	3,80	4,80	
20	Bùi Hữu	Quyền	3671040170	20/02/1992	8,00	5,00	5,90	
21	Nguyễn Trung	Kiên	3671040178	20/10/1994	7,00	5,80	6,20	
22	Hoàng Thiên	Quốc	3671040195	12/10/1994	7,00	3,80	4,80	
23	Trần Thanh	Thịnh	3671040199	22/12/1994	7,00	,00	2,10	
24	Tạ Đình	Kha	3671040204	30/05/1994	8,00	7,50	7,70	
25	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	3671040211	22/02/1994	8,00	,00	2,40	
26	Nguyễn Văn	Đệ	3671040218	06/11/1994	7,00	2,30	3,70	
27	Trần Bùi Trung	Kiên	3671040221	25/04/1992	8,00	2,80	4,40	
28	Bùi Ngọc	Hải	3671040235	27/10/1994	6,00	5,30	5,50	
29	Lê Duy	Khang	3671040262	11/01/1994	5,00	4,80	4,90	
30	Bùi Văn	Vũ	3671040278	04/06/1992	,00	,00	,00	
31	Trần Ngô Quốc	Khanh	3671040285	31/10/1994	6,00	,00	1,80	
32	Trần	Tiến	3671040329	23/04/1994	8,00	3,00	4,50	
33	Phạm Công	Hưng	3671040332	16/10/1993	9,00	2,00	4,10	
34	Đồng Quang	Ly	3671040344	28/10/1992	7,00	,00	2,10	
35	Vũ Minh	Hùng	3671040371	18/03/1994	9,00	5,80	6,80	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Võ Minh	Cương	3671040422	08/07/1994	,00	,00	,00	
37	Nguyễn Văn	Điền	3671040428	25/03/1993	7,00	4,30	5,10	
38	Nguyễn Đức	Trọng	3671040434	07/04/1994	9,00	6,80	7,50	
39	Nguyễn Văn	Khánh	3671040442	21/10/1993	8,00	,00	2,40	
40	Nguyễn Văn	Dĩnh	3671040445	16/07/1992	7,00	4,00	4,90	
41	Nguyễn Việt	An	3671040452	30/05/1993	8,00	,00	2,40	
42	Nguyễn Đức	Mạnh	3671040465	15/04/1992	8,00	3,00	4,50	
43	Nguyễn Tấn	Đạt	3671040471	03/08/1993	8,00	,00	2,40	
44	Lê Minh	Mẫn	3671040482	16/10/1994	9,00	3,50	5,20	
45	Nguyễn Văn	Mạnh	3671040484	06/09/1994	5,00	,00	1,50	
46	Trần Đức	Nhật	3671040495	25/10/1994	7,00	5,30	5,80	
47	Lương Hoàng Phước	Trần	3671040499	19/01/1993	7,00	6,30	6,50	
48	Phan Tuấn	Anh	3671040509	19/11/1994	8,00	,00	2,40	
49	Nguyễn Quốc	Cường	3671040526	12/05/1994	8,00	4,50	5,60	
50	Nguyễn Hữu	Tùng	3671040528	10/12/1993	8,00	4,00	5,20	
51	Trần Thiên	Hoàng	3671040531	02/02/1994	7,00	5,00	5,60	
52	Trần Minh	Thành	3671040542	26/08/1994	8,00	3,00	4,50	
53	Phan Hiền	Nhân	3671040568	02/02/1994	8,00	1,00	3,10	
54	Nguyễn Xuân	Dục	3671040573	05/10/1993	7,00	2,00	3,50	
55	Phạm Minh Hồng	Đại	3671040574	05/09/1994	8,00	2,50	4,20	
56	Nguyễn Văn	Nam	3671040580	15/03/1993	9,00	5,30	6,40	
57	Nguyễn Đình	Chung	3671040622	02/10/1994	8,00	4,00	5,20	
58	Biền Văn	Lượng	3671040628	30/10/1994	8,00	4,80	5,80	
59	Lê Thanh	Duy	3671040637	19/10/1994	7,00	3,30	4,40	
60	Trần Tấn	Vũ	3671040647	18/08/1994	7,00	3,80	4,80	
61	Bùi Văn	Nhân	3671040680	05/06/1994	,00	,00	,00	
62	Nguyễn Đức	Tuấn	3671041205	10/07/1993	6,00	5,30	5,50	
63	Bá Anh Tuấn	Kiệt	3671041493	04/10/1991	9,00	3,30	5,00	
64	Âu Tấn	Lực	3671041954	26/10/1994	7,00	,00	2,10	
65	Nguyễn Vương	Triều	3671041965	20/09/1994	7,00	,00	2,10	
66	Nguyễn Hữu	Cơ	3671041981	20/04/1994	7,00	3,80	4,80	
67	Nguyễn Hồ Hải	Triều	3671041982	27/06/1993	8,00	,00	2,40	
68	Lê Minh	Thành	3671041986	20/05/1994	9,00	5,50	6,60	
69	Lưu Công	Nghĩa	3671041989	09/01/1994	9,00	3,30	5,00	
70	Nguyễn Thọ	Hoan	3671042003	20/12/1994	6,00	7,30	6,90	
71	Bùi Đình	Thiện	3671042010	09/09/1989	,00	,00	,00	
72	Huỳnh Tấn	Lâm	3671042021	02/10/1994	7,00	,00	2,10	
73	Nguyễn Tuấn	Minh	3671042026	16/10/1994	,00	,00	,00	
74	Trương Quốc	Quân	3671042041	05/05/1994	9,00	4,80	6,10	

Học phần : 0671016 - Vật lý đại cương 1
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên	MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
				Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)